

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 6/9/2018.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn.

2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. [Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.](#)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Lê Mai Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 689/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Thu Tr E** – Sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 13 ấp P, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có mặt

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng V- Luật sư. Văn phòng Luật sư Phạm Hoàng V, thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Ấp L Hòa 2, xã L Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có mặt.

2- *Bị đơn:* Anh **Ung Phước L** – sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ 13 ấp P, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có mặt.

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1- Chị **Ngô Thị U** – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ủy quyền cho anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 31/8/2018). Có mặt.

3.2- Bà **Bùi Thị L** – sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Ngô Thị Thu Tr E trình bày: Chị và anh L kết hôn năm 2007 có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó anh L thay đổi tính tình, thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ, không lo cho vợ con, nên vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Ung Phước L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ung Thị Bảo Ng – sinh ngày 08/4/2008; Ung Văn Vũ L3 – sinh ngày 15/5/2010, hiện đang sống với với chị, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà ngang 4m dài 21m (nhà cấp 4) nền gạch mái tole diện tích 84m². Tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (chưa được cấp giấy QSD) chị không yêu cầu chia. Đất nông nghiệp thửa số 2929 -2938; tờ bản đồ số 12 diện tích 4.001m² đất tọa lạc xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do anh Ung Phước L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02818 ngày 14/6/2016. Trước đây vợ chồng có sang nhượng của người khác diện tích 1.300m² vợ chồng đứng tên quyền sử dụng đất; sau đó mẹ chồng mới kêu vợ chồng bán để cho mẹ chồng mượn tiền và mẹ chồng cho vợ chồng lại hai phần đất trên theo đo vẽ của Văn phòng đăng ký đất là diện tích thực tế 2284m² và diện tích thực tế 1586,0m² nhưng khi làm thủ tục kê khai đăng ký thì chỉ có mình anh L đi làm và 1 mình anh L đứng tên. Sau đó vợ chồng mới mượn tiền để lên liếp trồng xoài như hiện nay. Việc lên liếp trồng xoài như hiện nay chị không có chứng cứ gì chứng minh. Chị Tr E yêu cầu chia đôi số tài sản trên và nhận giá trị.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chị Ngô Thị U 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng; bà Bùi Thị L 10.000.000 đồng. Yêu cầu anh L có trách nhiệm cùng trả số nợ trên.

Bị đơn anh **Ung Phước L** trình bày: Anh và chị Tr E chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2007. Vợ chồng chung sống đến 25/10/2016 thì ly thân. Chị Tr E xin ly hôn anh đồng ý vì vợ đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Về con chung: Có 02 con chung tên Ung Thị Bảo Ng – sinh ngày 08/4/2008; Ung Văn Vũ L3 – sinh ngày 15/5/2010. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành vì hoàn cảnh kinh tế của gia đình anh đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tạo lập 1.300m² đất nông nghiệp tại tổ 13 ấp, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (số đất này mua của bà con hàng xóm) mẹ anh mượn của vợ chồng để bán lấy tiền cất nhà, sau đó mẹ anh trả lại diện tích 1.300m² nằm trong diện tích 1586,0m² vợ chồng có mượn tiền để lên liếp trồng xoài đối với diện tích 1586,0m² như hiện nay. Còn lại diện tích thực tế 2284m² là của ông bà để lại anh được tặng cho chứ không phải của vợ chồng, xoài trên đất là của mẹ anh đầu tư để làm chứ không phải của vợ chồng. Sổ đất trên là do anh được tặng cho riêng nên khi kê khai đăng ký chỉ có mình anh đứng tên quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: có nợ chị Ngô Thị U 28.000.000 đồng; bà Bùi Thị L 10.000.000 đồng, thống nhất trả nợ chung.

Người liên quan bà Bùi Thị L trình bày: Vợ chồng L và Tr E có nợ bà 10.000.000 đồng nhưng không yêu cầu trả, chỉ yêu cầu trả lại căn nhà do chính bà xây cất, yêu cầu trả lại phần đất 2.700m² là phần đất của Ung Văn L đứng tên vì phần đất này của cha L qua đời để lại làm hương quả, thờ cUng. Bà Thống nhất phần trình bày của L về phần mượn đất bán và trả lại đất.

Người liên quan chị Ngô Thị U trình bày: Vào ngày 16/6/2016 chị có cho Ngô Thị Trang E và Ung Phước L vay số tiền 28.000.000 đồng. Nay vợ chồng L, Tr E ly hôn chị yêu cầu trả lại số tiền nêu trên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Hôn nhân giữa chị Tr E và anh L là hợp pháp do mâu thuẫn nên chị Tr E xin ly hôn anh L đồng ý đề nghị hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn. Về con chung chị Tr E yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của hai con mong muốn sống với mẹ. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung cho chị Tr E nuôi dưỡng và buộc anh L cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung vợ chồng cùng có trách nhiệm trả cho chị U số tiền 28.000.000đ. Về tài sản chung đề nghị xem xét chia ½ giá trị diện tích 4.001m² vì trước đây vợ chồng có diện tích đất 1.300m² đã chuyển nhượng cho người khác lấy tiền cho mẹ chồng

mượn cất nhà và mẹ chồng có nói miệng cho vợ chồng diện tích đất trên nên vợ chồng mới mượn tiền để lập vườn xoài.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án chị Tr E xin ly hôn anh L đồng ý, do hôn nhân của anh chị là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài và không còn chung sống đã lâu chị Tr E yêu cầu ly hôn anh L đồng ý đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn. Về con chung chị Tr E đang nuôi dưỡng 02 con chung cuộc sống đã ổn định, nguyện vọng cháu Ng và cháu L3 mong muốn được sống với chị T E. Vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho chị Tr E nuôi dưỡng anh L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về nợ chung bà L1 không yêu cầu trả số tiền 10.000.000đ nên không đề cập giải quyết; Chị Ngô Thị U yêu cầu chị Ngô Thị Tr E và Ung Phước L trả số tiền vay 28.000.000 đồng là phù hợp đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Đình chỉ yêu cầu của bà L1 đối với yêu cầu đòi lại căn nhà cấp 4 và không chấp nhận yêu cầu của bà L1 yêu cầu Chị Tr E và anh L trả lại phần đất 2.700m². Đối với yêu cầu chia tài sản diện tích thực tế 1.586,0m² trên đất có trồng xoài anh L thừa nhận đây là tài sản chung. Đối với diện tích thực tế 2.284m² và các cây xoài trên đất chị Tr E yêu cầu chia, tại phiên tòa anh L trình bày lƯc lập vườn xoài thì anh, mẹ anh bà L1 cùng với anh Ung Văn Quyền L2 cùng làm. Vì vậy đề nghị hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa triệu tập anh Ung Văn Quyền L2 để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền nghĩa vụ liên quan trong vụ án để đảm bảo quyền lợi các bên nên không đề xuất hướng giải quyết vụ án tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp T, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên chị Tr E khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đề nghị tạm ngừng phiên tòa để triệu tập anh Ung Văn Quyền L2 là người cùng với anh L bà L1 trồng xoài trên phần đất diện tích 2.331m² vào tham gia tố tụng với tư cách người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi các bên. Đề nghị này của Kiểm sát viên tại phiên tòa là không căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr E và anh L kết hôn với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc nguyên do theo chị Tr E trình bày anh L thay đổi tính tình, thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ, không lo cho vợ con, anh L lại không có biện pháp hòa giải tình cảm vợ chồng nên vợ chồng đến tháng 10/2016 chị Tr E về nhà cha mẹ ruột sinh sống không ai quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Tr E yêu cầu ly hôn anh L đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr E và anh L.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Tr E và anh L thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Ung Thị Bảo Ng – sinh ngày 08/4/2008; Ung Văn Vũ L3 – sinh ngày 15/5/2010, hiện đang sống với chị Tr E, khi ly hôn chị Tr E yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành vì hoàn cảnh kinh tế của gia đình anh đủ khả năng nuôi con. Xét thấy con chung hiện do chị Tr E nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định các cháu vẫn được đi học và phát triển bình thường, nguyện vọng các cháu mong muốn được sống với chị Tr E. Vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao cháu Ung Thị Bảo Ng – sinh ngày 08/4/2008 và cháu Ung Văn Vũ L3 – sinh ngày 15/5/2010 cho chị Tr E nuôi dưỡng anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 700.000đ hai cháu là 1.400.000đ/tháng.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị Tr E yêu cầu chia giá trị phần đất nông nghiệp thửa số 2929 -2938; tờ bản đồ số 12 diện tích 4.001m² đất tọa lạc xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do anh Ung Phước L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02818 ngày 14/6/2016. Trước đây vợ chồng có sang nhượng của người khác diện tích 1.300m² vợ chồng đứng tên quyền sử dụng đất; sau đó mẹ chồng mới kêu vợ chồng bán để cho mẹ chồng mượn tiền và mẹ chồng cho vợ chồng lại hai phần đất trên. Theo đo vẽ của Văn phòng đăng ký đất là diện tích thực tế 2284m² và

diện tích thực tế $1586,0\text{m}^2$ nhưng khi làm thủ tục kê khai đăng ký thì chỉ có mình anh L đi làm và một mình anh L đứng tên. Sau đó vợ chồng mới mượn tiền để lên liếp trồng xoài như hiện nay. Việc lên liếp trồng xoài như hiện nay chị Tr E không có chứng cứ gì chứng minh. Anh L chỉ đồng ý chia phần đất diện tích $1586,0\text{m}^2$ và các cây xoài trên đất, đối với diện tích còn lại là của anh được tặng cho riêng.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và kết hợp với cơ quan chuyên môn đo đạc cụ thể: Diện tích 4.001m^2 do anh Ung Phước L đứng tên quyền sử dụng đất số CS 02818 Sở tài nguyên môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 14/6/2016. Qua đo đạc thì khu đất thứ nhất diện tích thực tế 2284m^2 giảm 47m^2 so với diện tích được cấp giấy thuộc thửa 2938 trên đất trồng 122 cây xoài Đài Loan (Khoảng 2 năm rưỡi) trị giá $400.000\text{đ}/\text{cây}$ ($122 \text{ cây} \times 400.000\text{đ} = 48.800.000\text{đ}$), đất có giá $40.000\text{đ}/\text{m}^2$ ($2284\text{m}^2 \times 40.000\text{đ} = 91.360.000\text{đ}$). Khu đất thứ hai diện tích thực tế là 1586m^2 giảm 84m^2 so với diện tích được cấp giấy thuộc thửa 2929 trên đất trồng 120 cây xoài Đài Loan (Khoảng 2 năm rưỡi) trị giá $400.000\text{đ}/\text{cây}$ ($120 \text{ cây} \times 400.000\text{đ} = 48.000.000\text{đ}$), đất có giá $40.000\text{đ}/\text{m}^2$ ($1586\text{m}^2 \times 40.000\text{đ} = 63.440.000\text{đ}$).

Xét thấy diện tích 4.001m^2 do anh Ung Phước L đứng tên quyền sử dụng đất số CS 02818 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 14/6/2016 có nguồn gốc là của ông bà để lại và anh L là được tặng cho riêng, quá trình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất do một mình anh L đứng tên và anh L không nhập số đất trên vào tài sản chung của vợ chồng. Tại phiếu cung cấp thông tin địa chính số 4548/PCC –CNCM ngày 02/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới xác định diện tích 4.001m^2 , thửa 2929, 2938, tờ bản đồ số 2, hình thức sử dụng là của cá nhân anh Ung Phước L. Căn cứ điều 43, 44 Luật hôn nhân gia đình thì đây là tài sản riêng của anh L. Tuy nhiên anh L chị Tr E quá trình chung sống có nhận chuyển nhượng một phần đất diện tích 1300m^2 và vợ chồng đã chuyển nhượng cho người khác để cho bà L1 (mẹ chồng) mượn tiền cất nhà và anh L tự nguyện nhập phần đất diện tích thực tế là 1.586m^2 thuộc thửa 2929 diện tích $1.670,0\text{m}^2$ (giảm 84m^2) do anh L đứng tên quyền sử dụng đất số CC 876651 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 14/6/2016 trên hiện đang trồng xoài. Như vậy có cơ sở xác định diện tích thực tế là 1.586m^2 và 120 cây xoài thuộc thửa 2929 là tài sản chung của vợ chồng sẽ được xem xét chia khi ly hôn, xoài trị giá $48.000.000\text{đ}$, đất trị giá $63.440.000\text{đ}$ tổng cộng là $111.440.000\text{đ}$ phía chị Trang yêu cầu nhận bằng giá

trị yêu cầu này là phù hợp nghĩ nên chấp nhận, khi xem xét chia hội đồng xét xử có xem xét đến quyền lợi của chị Tr E nuôi con chưa thành niên nghĩ nên chia cho chị Tr E số tiền 71.440.000đ anh L được hưởng phần đất diện tích thực tế là 1586m² và 120 cây xoài trên đất anh L có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Tr E số tiền 71.440.000đ. Đối với diện tích thực tế 2284m² và 122 cây xoài trên đất thuộc thửa 2938 diện tích 2331m² giảm 47m² chị Tr E không có gì chứng minh đây là tài sản chung của vợ chồng nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chia khi ly hôn. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị Tr E cũng có công sức đóng góp đối với diện tích đất mà anh L được tặng cho riêng riêng điều này được anh L thừa nhận tại phiên tòa khi anh và chị Tr E chăm sóc phần đất của vợ chồng thì cũng có cùng chăm sóc các cây xoài phần đất diện tích 2284m² thời gian khoảng 1 năm. Để đảm bảo quyền lợi của chị Tr E nghĩ nên buộc anh L có nghĩa vụ chia cho chị Trang 1 phần công sức đóng góp trong khối tài sản này tương đương số tiền là 5.000.000đ.

Tại phiên tòa bà L1 rU lại yêu cầu chị Tr E và anh L trả lại căn nhà cấp 4 nên hội đồng xét xử không xem xét đến. Đối với yêu cầu anh L chị Tr E trả lại diện tích đất 2.700m² đo đạc thực tế 2284m² xét thấy đây là phần đất anh L được tặng cho riêng, bà L1 không có gì chứng minh phần đất trên là của bà nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.4].Về nợ chung: Chị Tr E và anh L xác định có nợ chị Ngô Thị U 28.000.000 đồng; bà Bùi Thị L1 10.000.000 đồng, thống nhất trả nợ chung. Tuy nhiên bà L1 không yêu cầu chị Tr E và anh L trả nên không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa ông Tùng Em đại diện cho chị U yêu cầu chị Tr E và anh L trả số tiền trên là phù hợp. Nghĩ nên buộc chị Tr E và anh L có nghĩa vụ trả cho chị U số tiền 28.000.000đ.

[3].Án phí:

[3.1].Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị Tr E phải chịu 300.000đ. án phí DSST là 5% giá trị tài sản được chia 3.122.000đ, 5% án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 3.504.000đ.

[3.2].Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ và án phí DSST 5% giá trị tài sản được chia là 1.300.000đ.

[3.3].Bà L1 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[4].Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 1.846.900đ, chi phí định giá 1.000.000đ tổng cộng 2.846.900đ. Chị Tr E và anh L phải chịu 1/2 (nguyên đơn đã tạm nộp) anh L có nghĩa vụ trả lại cho chị Tr E số tiền 1.423.500đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 62; Điều 37; Điều 43; Điều 44; Điều 46; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39; Điều 91; Điều 147; điều 157; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Thu Tr E và anh Ung Phước L.

2.Về quan hệ con chung: Chị Ngô Thị Thu Tr E được tiếp tục hai con chung tên Ung Thị Bảo Ng – sinh ngày 08/4/2008 và cháu Ung Văn Vũ L3 – sinh ngày 15/5/2010. Anh Ung Phước L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 700.000đ hai cháu là 1.400.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Tr E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3.Về quan hệ tài sản chung:

Chị Ngô Thị Thu Tr E được sở hữu số tiền 76.440.000đ (bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng (hiện anh L đang quản lý).

Anh Ung Phước L có nghĩa vụ giao lại cho chị Tr E số tiền 76.440.000đ (bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) đây là tài sản chị Tr E được sở hữu hiện anh đang quản lý).

Anh Ung Phước L được sở hữu diện tích đo đạc thực tế là 1586m² giảm 84m² so với diện tích được cấp giấy thuộc thửa 2929, tờ bản đồ số 12 tọa lạc xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 876651 ngày 14/6/2016 và 120 cây xoài trên đất (hiện anh đang quản lý).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Thu Tr E yêu cầu chia diện tích đo đạc thực tế 2284m² và 122 cây xoài trên đất thuộc thửa 2938 diện tích 2331m² giảm 47m² tọa lạc xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do anh Ung Phước L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 876651 ngày 14/6/2016.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L1 yêu cầu chị Ngô Thị Thu Tr E và anh Ung Phước L trả lại diện tích đo đạc thực tế 2284m² và 122 cây xoài trên đất thuộc thửa 2938 diện tích 2331m² giảm 47m² tọa lạc xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do anh Ung Phước L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 876651 ngày 14/6/2016.

4. Về nợ phải thu phải trả:

Buộc chị Ngô Thị Thu Tr E có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Thị U số tiền 14.000.000đ.

Buộc anh Ung Phước L có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Thị U số tiền 14.000.000đ.

Án phí HNST: Chị Ngô Thị Tr E phải chịu là 300.000đ, án phí DSST đối với tài sản được chia là 3.122.000đ; án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 3.504.000đ. Tổng cộng 6.926.000đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí số tiền 3.300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0018989 ngày 20/12/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phải nộp tiếp là 3.626.000đ.

Anh Ung Phước L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ và án phí tài sản được chia là 1.300.000đ. Tổng cộng 1.600.000đ.

Chi Cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang hoàn lại tiền tạm ứng án phí chi chị Ngô Thị U số tiền 700.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019193 ngày 01/02/2018.

Bà Bùi Thị L1 phải chịu án phí là 3.504.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019184 ngày 30/01/2018. Phải nộp tiếp là 3.204.000đ.

Chi phí tố tụng: Số tiền 2.846.900đ (do chị Tr E tạm nộp). Chị Tr E và anh L phải chịu 1/2 (nguyên đơn đã tạm nộp) anh L có nghĩa vụ trả lại cho chị Tr E số tiền 1.423.500đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Tân Mỹ, h. Chợ Mới, An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình

